

**Đơn vị: Sở Công Thương**  
**Chương: 416**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2020

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020**  
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm | Ước thực hiện quý I năm 2020 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3           | 4                            | 5                                   | 6                                                                       |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>220</b>  | <b>103,95</b>                | <b>47,25</b>                        | <b>102,18</b>                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>220</b>  | <b>103,95</b>                | <b>47,25</b>                        | <b>102,18</b>                                                           |
| 1          | Lệ phí                                             |             |                              |                                     |                                                                         |
|            | Lệ phí...                                          |             |                              |                                     |                                                                         |
|            | Lệ phí...                                          |             |                              |                                     |                                                                         |
| 2          | Phí                                                | 220         | 103,95                       | 47,25                               | 102,184                                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | <b>184</b>  | <b>5,5</b>                   | <b>2,99</b>                         | <b>29,02</b>                                                            |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |             |                              |                                     |                                                                         |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |             |                              |                                     |                                                                         |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |             |                              |                                     |                                                                         |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      | <b>184</b>  | <b>5,5</b>                   | <b>2,99</b>                         | <b>29,021</b>                                                           |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   | 184         | 5,5                          | 2,99                                | 29,021                                                                  |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |             |                              |                                     |                                                                         |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       | <b>36</b>   | <b>19</b>                    | <b>53</b>                           | <b>115</b>                                                              |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |             |                              |                                     |                                                                         |



|     |                                        |           |         |        |         |
|-----|----------------------------------------|-----------|---------|--------|---------|
|     | Lệ phí...                              |           |         |        |         |
|     | Lệ phí...                              |           |         |        |         |
| 2   | Phí                                    | 36        | 18,996  | 52,767 | 115,060 |
|     | Phí ...                                |           |         |        |         |
|     | Phí ...                                |           |         |        |         |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước         | 7.973,849 | 1.481,2 | 18,6   |         |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước             | 7.973,849 | 1.481,2 | 18,6   |         |
| 1   | Chi quản lý hành chính                 | 7.973,849 | 1.481,2 | 18,6   |         |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ       | 6.870,649 | 1.471,0 | 21,4   |         |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 1.103,2   | 10,2    | 0,9    |         |

Ngày 24 tháng 4 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Đào Thị Thu Nguyệt